

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 82/1998/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 1998

THÔNG TƯ

Hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng cho các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao

Căn cứ Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ ban hành Quy chế khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; - Căn cứ Nghị định số 07/1998/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật khuyến khích đầu tư trong nước;

Căn cứ Nghị định số 10/1998/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ quy định về một số biện pháp khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam;

Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể các chế độ tài chính như sau:

I. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG:

Thông tư này áp dụng cho:

Công ty xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng (say đây gọi tắt là Công ty phát triển hạ tầng) được phép thành lập và hoạt động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao (sau đây gọi tắt là KCN).

Các doanh nghiệp được phép thành lập và hoạt động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp KCN).

Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc trên địa bàn liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh).

II. CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH ÁP DỤNG CHO CÁC

DOANH NGHIỆP KCN:

1. Doanh nghiệp KCN có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, thực hiện đầy đủ các quy định về chế độ kế toán, thống kê theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Những quy định về chế độ thuế:

2.1. Doanh nghiệp KCN thuộc các thành phần kinh tế trong nước khi đầu tư vào KCN thực hiện nghĩa vụ thuế theo mức ưu đãi trong các văn bản hiện hành về thuế, về khuyến khích đầu tư trong nước.

2.2. Doanh nghiệp KCN có vốn đầu tư nước ngoài, bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh hoạt động theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thực hiện nghĩa vụ thuế như sau:

a. Đối với doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao, doanh nghiệp dịch vụ công nghệ cao trong khu công nghệ cao:

Nộp thuế lợi tức với thuế suất 10% trên số lợi nhuận thu được;

Miễn thuế lợi tức 8 năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lợi nhuận.

b. Đối với doanh nghiệp chế xuất:

Doanh nghiệp sản xuất:

Nộp thuế lợi tức với thuế suất 10% trên số lợi nhuận thu được;

Miễn thuế lợi tức trong 4 năm kể từ khi bắt đầu kinh doanh có lợi nhuận.

Doanh nghiệp dịch vụ:

Nộp thuế lợi tức với thuế suất 15% trên số lợi nhuận thu được;

Miễn thuế lợi tức trong 2 năm kể từ khi bắt đầu kinh doanh có lợi nhuận.

c. Đối với doanh nghiệp khu công nghiệp:

Doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu dưới 50% sản phẩm của mình:

Nộp thuế lợi tức với thuế suất 15% trên số lợi nhuận thu được;

Miễn thuế lợi tức trong 2 năm kể từ khi bắt đầu kinh doanh có lợi nhuận.

Doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu từ 50% đến 80% sản phẩm của mình:

Nộp thuế lợi tức với thuế suất 15% trên số lợi nhuận thu được;

Miễn thuế lợi tức trong 2 năm kể từ khi bắt đầu kinh doanh có lợi nhuận.

Giảm 50% số thuế lợi tức phải nộp trong 2 năm tiếp theo.

Doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu trên 80% sản phẩm của mình:

Nộp thuế lợi tức với thuế suất 10% trên số lợi nhuận thu được;

Miễn thuế lợi tức trong 2 năm kể từ khi bắt đầu kinh doanh có lợi nhuận.

Giảm 50% số thuế lợi tức phải nộp trong 2 năm tiếp theo.

Trong quá trình hoạt động, nếu doanh nghiệp đảm bảo đúng các tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm đã đăng ký trong giấy phép đầu tư thì các thuế suất trên đây được áp dụng trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

Trường hợp trong thực tế doanh nghiệp không đảm bảo đúng hoặc đạt vượt mức các tỷ lệ xuất khẩu đã đăng ký trong giấy phép đầu tư thì cơ quan thuế trực tiếp quản lý phải căn cứ vào tỷ lệ sản phẩm thực tế xuất khẩu để xác định thuế suất tương ứng với tỷ lệ xuất khẩu theo quy định trên đây.

Trường hợp tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm bằng không ($= 0$) thì áp dụng thuế suất thuế lợi tức như quy định đối với các doanh nghiệp cùng ngành nghề không đăng ký hoạt động xuất khẩu sản phẩm.

Trường hợp giấy phép đầu tư không quy định tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm nhưng trong từng năm kinh doanh có xuất khẩu sản phẩm thì áp dụng thuế suất và chế độ miễn, giảm thuế lợi tức theo quy định nêu trên.

Doanh nghiệp dịch vụ:

Nộp thuế lợi tức với thuế suất 20% trên số lợi nhuận thu được;

Miễn thuế lợi tức 1 năm kể từ khi kinh doanh có lợi nhuận.

d. Cơ quan cấp giấy phép đầu tư căn cứ các quy định trên đây và dự án xin phép đầu tư để xác định mức thuế suất và chế độ miễn, giảm thuế lợi tức phù hợp để ghi vào giấy phép đầu tư.

Lợi tức chịu thuế hàng năm xác định theo các quy định hiện hành về thuế lợi tức.

Việc điều chỉnh lại thuế suất, chế độ miễn, giảm thuế lợi tức trong giấy phép đầu tư và chế độ hoàn lại thuế lợi tức đã nộp cho số lợi nhuận dùng để tái đầu tư được thực hiện theo các quy định hiện hành về thuế.

e. Khi chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, doanh nghiệp khu công nghiệp nộp thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài với thuế suất 5% trên số lợi nhuận chuyển ra (gồm cả số tiền để lại ngoài lãnh thổ Việt Nam).

f. Các loại thuế, phí, lệ phí khác nộp theo các quy định hiện hành về thuế, phí và lệ phí.

III. CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH ÁP DỤNG CHO CÁC CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG:

1. Việc xác định mức giá, phí cho thuê lại đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng và tiện ích công cộng trong KCN thực hiện như sau:

a. Theo quy định tại khoản đ, Điều 14, Quy chế ban hành kèm theo Nghị định 36/CP, các Công ty phát triển hạ tầng khi cho thuê lại đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng, cho thuê tiện ích công cộng có quyền ấn định giá, phí theo nguyên tắc:

Công ty phát triển hạ tầng căn cứ vào các chi phí theo dự toán hoặc chi phí thực tế đã chi ra để xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, tiện ích công cộng trong khu công nghiệp; căn cứ vào nhu cầu vận động đầu tư và yêu cầu hoàn vốn đầu tư để xác định các mức giá, phí cụ thể.

Nếu phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng thu riêng (phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng không nằm trong giá cho thuê lại đất đã có cơ sở hạ tầng) thì Công ty phát triển hạ tầng phải dự kiến mức phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng sẽ thu từ các doanh nghiệp KCN đồng thời với việc xác định giá cho thuê lại đất đã có cơ sở hạ tầng.

Mức giá, phí do Công ty phát triển hạ tầng xác định phải đảm bảo tính hợp lý, phù hợp với yêu cầu vận động đầu tư, không gây cạnh tranh bất bình đẳng với việc thu hút đầu tư ở các khu công nghiệp khác trong vùng.

b. Trước khi công bố các mức giá, phí cho thuê lại đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng, phí sử dụng tiện ích công cộng, Công ty phát triển hạ tầng có trách nhiệm gửi bản dự kiến các mức giá, phí đó (gồm cả phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng) cho Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh xem xét, thoả thuận.

Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phải xem xét và có ý kiến về các mức giá, phí do Công ty phát triển hạ tầng trình lên. Nếu thấy các mức giá, phí này chưa phù hợp với việc vận động, thu hút đầu tư (mức giá, phí cao hơn so với mức giá, phí của khu công nghiệp khác cùng loại...) thì Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh có

quyền yêu cầu Công ty phát triển hạ tầng xem xét, điều chỉnh lại các mức giá, phí đó cho phù hợp.

Nếu Công ty phát triển hạ tầng và Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh không thoả thuận được các mức giá, phí nêu trên thì phải báo cáo Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

c. Trong quá trình hoạt động, Công ty phát triển hạ tầng có quyền tăng hay giảm mức giá, phí cho phù hợp với xu thế vận động đầu tư vào khu công nghiệp. Việc tăng hay giảm giá, phí đó phải có sự thoả thuận của Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh. Nếu thấy việc tăng hay giảm giá, phí đó không phù hợp với xu thế vận động đầu tư vào khu công nghiệp, gây cạnh tranh không lành mạnh về giá cho thuê đất giữa các KCN trong vùng hoặc vi phạm lợi ích Nhà nước Việt Nam, Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh có trách nhiệm yêu cầu Công ty phát triển hạ tầng điều chỉnh lại, nếu không thoả thuận được thì báo cáo Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

d. Trường hợp Công ty phát triển hạ tầng thu một lần tiền cho thuê lại đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng, phí sử dụng tiện ích công cộng, phí dịch vụ cho toàn bộ thời gian hoạt động của doanh nghiệp KCN: nếu thời gian hoạt động của doanh nghiệp KCN vượt quá thời gian hoạt động của Công ty phát triển hạ tầng thì Công ty phát triển hạ tầng có trách nhiệm nộp vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền thu được tương ứng với khoản chênh lệch về thời gian hoạt động giữa doanh nghiệp KCN với thời gian hoạt động của Công ty phát triển hạ tầng theo hướng dẫn của Sở Tài chính - Vật giá, Cục thuế và Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh.

e. Theo quy định tại khoản 2, Điều 18, Nghị định 10/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 của Chính phủ, Công ty phát triển hạ tầng được phép cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước có khả năng về tài chính và kinh nghiệm gọi vốn đầu tư thuê lại một phần hay toàn bộ diện tích đất chưa cho thuê được để các doanh nghiệp này cho các doanh nghiệp KCN thuê lại đất đã có cơ sở hạ tầng:

Giá cho thuê lại đất giữa Công ty phát triển hạ tầng và doanh nghiệp có khả năng về tài chính và kinh nghiệm gọi vốn đầu tư, giữa doanh nghiệp này và doanh nghiệp KCN theo thoả thuận trong hợp đồng thuê đất.